

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẮC NINH

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-CDYT ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp theo niên chế, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ vào Biên bản số 85 /BB-CDYT ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp trình độ cao đẳng năm 2025, lớp CD D5A2, CD D5A4 được thành lập theo Quyết định số 04/QĐ-CDYT ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo - Nghiên cứu khoa học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 43 sinh viên ngành dược, trình độ cao đẳng, lớp CD D5A2, CD D5A4 kể từ ngày ký quyết định (có danh sách sinh viên và xếp loại tốt nghiệp kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) trưởng phòng, khoa và sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT, P. QLĐT - NCKH.



Nguyễn Thị Dung

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: 442/QĐ-CDYT ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh)

Ngành đào tạo: Dược

Lớp: CD D5A2

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Số TC xét hạ bậc bằng	Kỹ luật	Xếp loại TN
1	Tạ Thị Anh	26/7/2000	Nữ	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	90	7.1	2.73	0	Không	Khá
2	Nguyễn Thị Vân Anh	03/11/2004	Nữ	Bắc Ninh	90	7.4	2.94	0	Không	Khá
3	Trần Thị Chuyên	10/6/1999	Nữ	Huyện Yên Dũng, Bắc Giang	90	7.7	3.17	0	Không	Giỏi
4	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	09/9/1996	Nữ	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	90	8.0	3.38	0	Không	Giỏi
5	Hoàng Ngọc Dung	25/11/1996	Nữ	Huyện Sơn Dương, Tuyên Quang	90	7.5	2.99	0	Không	Khá
6	Nguyễn Thị Duyên	20/02/1987	Nữ	Huyện Khoái Châu, Hưng Yên	90	7.7	3.16	0	Không	Giỏi
7	Nguyễn Thị Cẩm Giang	23/9/2000	Nữ	Bắc Ninh	90	7.3	2.86	0	Không	Khá
8	Tạ Thị Huệ	03/3/1998	Nữ	Huyện Quế Võ, Bắc Ninh	90	7.7	3.14	0	Không	Giỏi
9	Nguyễn Thị Huyền	09/5/1990	Nữ	Huyện Hiệp Hoà, Bắc Giang	90	7.6	3.11	0	Không	Giỏi
10	Nguyễn Thị Huyền	10/01/1993	Nữ	Thị xã Quế Võ, Bắc Ninh	90	7.9	3.33	0	Không	Giỏi
11	Trần Thị Hương	02/5/1993	Nữ	Huyện Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	90	7.6	3.09	0	Không	Giỏi
12	Vũ Đức Minh	14/12/1993	Nam	TP Từ Sơn, Bắc Ninh	90	7.6	3.11	0	Không	Giỏi
13	Nguyễn Hồng Ngọc	01/8/2001	Nữ	Huyện Yên Dũng, Bắc Giang	90	7.5	2.95	0	Không	Khá

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Số TC xét hạ bậc bằng	Kỹ luật	Xếp loại TN
14	Nguyễn Thị Nguyệt	04/7/2004	Nữ	Huyện Hiệp Hoà, Bắc Giang	90	7.7	3.15	0	Không	Giỏi
15	Hoàng Yến Phi	13/7/2001	Nữ	Huyện Yên Mỹ, Hưng Yên	90	7.4	2.97	0	Không	Khá
16	Nguyễn Thị Thùy	19/02/1997	Nữ	Huyện Chương Mỹ, Hà Nội	90	7.8	3.20	0	Không	Giỏi
17	Nguyễn Thị Xuân	25/6/1984	Nữ	Thị xã Quế Võ, Bắc Ninh	90	7.9	3.28	0	Không	Giỏi
18	Nguyễn Phương Anh	03/02/2001	Nữ	TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	90	7.6	3.12	0	Không	Giỏi



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo Quyết định số: 111/QĐ-CDYT ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bắc Ninh)

Ngành đào tạo: Dược

Lớp: CD D5A4

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Số TC xét hạ bậc bằng	Kỷ luật	Xếp loại TN
1	Ngô Thị Mai Anh	03/9/2000	Nữ	TP Từ Sơn, Bắc Ninh	80	7.7	3.18	0	Không	Giỏi
2	Nông Thị Phương Anh	01/7/1986	Nữ	Huyện Chiêm Hóa, Tuyên Quang	80	7.4	3.00	0	Không	Giỏi
3	Vũ Thị Ánh	06/8/1995	Nữ	TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	80	7.8	3.19	0	Không	Giỏi
4	Nguyễn Thị Chuyên	26/6/1996	Nữ	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	80	7.4	2.93	0	Không	Khá
5	Trần Thị Kim Cúc	14/10/1992	Nữ	Thị xã Quế Võ, Bắc Ninh	80	7.6	3.10	0	Không	Giỏi
6	Lê Thị Kim Dung	04/10/1987	Nữ	Thị xã Quế Võ, Bắc Ninh	80	7.6	3.08	0	Không	Giỏi
7	Nguyễn Thị Thanh Hà	19/02/1992	Nữ	Thị xã Quế Võ, Bắc Ninh	80	7.9	3.30	0	Không	Giỏi
8	Hoàng Thị Hiền	02/01/1995	Nữ	Huyện Tiên Du, Bắc Ninh	80	7.6	3.06	0	Không	Giỏi
9	Ngô Thị Mai Hương	31/5/1997	Nữ	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	80	7.8	3.27	0	Không	Giỏi
10	Nguyễn Đức Mạnh	29/10/1979	Nam	TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	80	7.8	3.23	0	Không	Giỏi
11	Nguyễn Thị Miên	16/11/1990	Nữ	TP Bắc Giang, Bắc Giang	80	7.9	3.28	0	Không	Giỏi
12	Trần Văn Mười	19/8/2000	Nam	Huyện Lương Tài, Bắc Ninh	80	8.2	3.53	0	Không	Xuất sắc

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Số TCTL	Điểm TBC Hệ 10	Điểm TBTL hệ 4	Số TC xét hạ bậc bằng	Kỷ luật	Xếp loại TN
13	Nguyễn Thị Ngà	21/7/1992	Nữ	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	80	7.7	3.14	0	Không	Giỏi
14	Nguyễn Thị Ngọc	14/01/1991	Nữ	Huyện Lý Nhân, Hà Nam	80	7.9	3.33	0	Không	Giỏi
15	Nguyễn Thị Bích Ngọc	23/12/1994	Nữ	Huyện Việt Yên, Bắc Giang	80	7.6	3.03	0	Không	Giỏi
16	Trịnh Thị Nhung	27/12/1978	Nữ	Huyện Tiên Du, Bắc Ninh	80	8.1	3.46	0	Không	Giỏi
17	Đỗ Văn Phúc	21/9/1989	Nam	Huyện Gia Bình, Bắc Ninh	80	8.3	3.55	0	Không	Xuất sắc
18	Nguyễn Văn Quang	04/7/1987	Nam	Thị xã Thuận Thành, Bắc Ninh	80	8.3	3.63	0	Không	Xuất sắc
19	Nguyễn Thị Thanh	14/02/1988	Nữ	Huyện Việt Yên, Bắc Giang	80	8.2	3.51	0	Không	Xuất sắc
20	Nguyễn Duy Thắng	23/7/1986	Nam	TP Bắc Giang, Bắc Giang	80	7.5	3.08	0	Không	Giỏi
21	Nguyễn Thị Thu Trang	24/5/1981	Nữ	Thị xã Quế Võ, Bắc Ninh	80	7.6	3.08	0	Không	Giỏi
22	Nguyễn Thị Yên	10/5/1992	Nữ	Huyện Yên Dũng, Bắc Giang	80	7.4	2.90	0	Không	Khá
23	Ngô Thị Ngọc Ánh	30/3/1993	Nữ	Huyện Yên Phong, Bắc Ninh	79	7.6	3.08	0	Không	Giỏi
24	Lê Bảo Hân	25/10/2000	Nữ	Thị xã Thuận Thành, Bắc Ninh	79	7.8	3.17	0	Không	Giỏi
25	Nguyễn Thị Yên	12/4/1992	Nữ	Huyện Yên Dũng, Bắc Giang	79	7.8	3.20	0	Không	Giỏi